

Bản án số: **156/2022/HS-ST**
Ngày: 12/7/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H
THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đào Duy Vương.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Mạnh H

2. Ông Nguyễn Cao B

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Phương A**, Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc S** Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố H. Tòa án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 132/2022/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc T, SN: 1992; HKTT: thôn L, xã NT, huyện N, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Nguyễn Văn Đ, SN: 1960 (đã chết); con bà Đào Thị Trung T, SN: 1963; Vợ: Trương Thị T, SN: 1992; Con: có 02 con (lớn, SN: 2013, nhỏ, SN: 2017); Tiền án tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 29/12/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Thị T, SN: 1992; HKTT: thôn L, xã NT, huyện N, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Trương Văn Y, SN: 1970; con bà Ngô Thị H, SN: 1972; Chồng: Nguyễn Ngọc T, SN: 1992; Con: có 02 con (lớn, SN: 2013, nhỏ, SN: 2017); Tiền án tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 30/12/2021 đến ngày 01/3/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, Có mặt tại phiên tòa.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T và Trương Thị T: Ông Trần Viết H – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Công lý H, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** (Đều vắng mặt)

1. Vũ Thị Hải Y; sinh năm 1993; Trú tại: Tòa nhà L, XM complex, HH2, phường YN, quận H, HN.

2. Vũ Thị H; sinh năm 1981; Trú tại: phòng 2803N04, chung cư E, ĐN, quận B, HN.

3. Nguyễn Bá B; sinh năm: 1990, Trú tại số 4 ngõ B4 KT, TQ, huyện G, HN.

4. Hoàng Thị T, sinh năm: 1990; Trú tại: ngõ 12, thôn H, CK, huyện T, HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T (SN: 1992) và vợ là Trương Thị T (SN: 1992), thuê trọ tại số 36/165 GB, phường GB, quận H, thành phố H làm nghề giao hàng tự do (shipper) trên địa bàn thành phố H. Do hoàn cảnh khó khăn và thấy nhiều người có nhu cầu làm giấy khám sức khỏe, nên khoảng đầu tháng 6/2021, T và T nảy sinh ý định mua giấy khám sức khỏe giả trên mạng, rồi bán lại kiếm lời. Qua tìm hiểu trên mạng xã hội T biết được đối tượng có tài khoản zalo “CN” (gọi tắt là CN) có bán các loại giấy khám sức khỏe giả, sau đó T liên hệ với người này để mua giấy khám sức khỏe giả của Bệnh viện E với giá là: 15.000 đồng/tờ “giấy chứng nhận sức khỏe” khổ A4 không có ảnh giáp lai; 20.000 đồng/tờ “giấy khám sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe của người lái xe” khổ A3 không có ảnh giáp lai; 70.000 đồng/tờ “giấy khám sức khỏe” khổ A3 có ảnh đóng dấu giáp lai. Giấy khám sức khỏe, giấy chứng nhận sức khỏe, giấy khám sức khỏe của người lái xe giả mà T đặt mua đều để trống thông tin người khám, phần nội dung khám và kết luận có chữ ký, đóng các hình dấu chức danh của các bác sỹ chuyên khoa khám, cuối các tờ giấy trên đều có đóng hình dấu tròn đỏ mang dòng chữ “Bộ Y tế - Bệnh viện E”. Sau đó, T và T thống nhất sẽ bán lại cho khách 60.000 đồng đến 80.000 đồng/tờ “giấy chứng nhận sức khỏe” khổ A4 không có ảnh giáp lai; 120.000 đồng đến 150.000 đồng/tờ” giấy khám sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe của người lái xe” khổ A3 không có ảnh giáp lai; 170.000 đồng đến 190.000 đồng/tờ “giấy khám sức khỏe” khổ A3 có ảnh đóng dấu giáp lai, giá trên đã bao gồm phí giao hàng tùy vào từng

địa điểm, rồi T sử dụng tài khoản mạng xã hội facebook “NT”, T sử dụng tài khoản mạng xã hội facebook “NHĐ” đăng bài viết lên các trang hội nhóm trên mạng xã hội facebook để tìm khách mua giấy khám sức khỏe giả, với nội dung: “*Tôi có thể làm giấy khám sức khỏe, ai có nhu cầu thì liên hệ số điện thoại 0858857400*”, khi có khách hỏi mua giấy khám sức khỏe liên hệ thì T yêu cầu người mua gửi thông tin, ảnh (nếu làm giấy khám sức khỏe có ảnh đóng dấu giáp lai), địa chỉ nhận hàng và tiền phải trả (đã bao gồm tiền ship) của từng loại giấy tờ mà khách đặt mua, qua tài khoản mạng xã hội zalo “HHG” đăng ký bởi số điện thoại 0858.857.400 do T quản lý. Sau khi nhận được thông tin khách gửi, T chuyển lại vào tài khoản zalo “Đời là vô thường” đăng ký bởi số điện thoại 0967.229.833 do T quản lý, T tiếp tục chuyển thông tin của khách cho đối tượng “CN” để đặt làm, làm xong đối tượng này gửi đến địa chỉ người mua và thu tiền theo giá mà T và T thỏa thuận với người mua trước đó, sau đó “CN” gửi lại số tiền chênh lệch (sau khi đã trừ tiền công ship và tiền bán giấy khám sức khỏe theo giá đã thỏa thuận bán cho T từ trước) vào số tài khoản 107003753203 ngân hàng Vietinbank, chủ tài khoản Nguyễn Ngọc T.

Đến khoảng tháng 10/2021, do làm nghề giao hàng nên T và T thống nhất với nhau mua lại các loại giấy khám sức khỏe giả không dán ảnh của đối tượng “CN” rồi tự đi giao cho khách để hưởng lợi thêm tiền phí giao hàng. Đối với giấy khám sức khỏe mà khách có nhu cầu đóng dấu giáp lai ảnh, sau khi khách gửi ảnh cho T hoặc T qua zalo, T gửi ảnh của khách sang cho đối tượng “CN” để người này làm, làm xong sẽ gửi lại cho T và T đến địa chỉ số 24 KĐ, quận H, thành phố H để T và T tự đi giao cho khách.

Ngày 28/12/2021, T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS: 29D2-017.13 đi giao giấy khám sức khỏe giả cho Hoàng Thị T, SN: 1990, trú tại ngõ 12, thôn H, xã CK, huyện T, thành phố H và Nguyễn Bá B, SN: 1990, trú tại số 4, ngõ B4 KT, thị trấn TQ, huyện G, thành phố H. Đến khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày 28/12/2021, khi T dừng xe trước cửa số 144 TP, phường ML, quận H, thành phố H, chưa giao được cho T và B thì bị tổ Công tác Công an phường ML, quận H kiểm tra hành chính thu giữ:

- 02 tờ giấy khám sức khỏe khổ A3, số 008461 và số 008463 có dán ảnh đóng dấu giáp lai, đóng dấu giáp lai giữa hai tờ giấy và dưới mực người kết luận có chữ ký PHÓ GIÁM ĐỐC Ts.Bs Nguyễn Công H và đóng dấu tròn đỏ "BỆNH VIỆN E";

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS: 29D2-017.43;

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6+, màu vàng, số Imeil 1: 356472094902351, số Imeil 2: 356473094902359;

Ngày 29/12/2021, tại trụ sở Công an phường ML, quận H, Nguyễn Ngọc T và Trương Thị T đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, Nguyễn Thị T giao nộp:

- 28 tờ giấy khám sức khỏe khô A3, có số, không dán ảnh, dưới mục người kết luận có chữ ký Ts.Bs Nguyễn Công H và đóng dấu tròn đỏ "BỆNH VIỆN E".

- 09 tờ giấy khám sức khỏe của người lái xe khô A3, có số, không dán ảnh, dưới mục người kết luận có chữ ký Ts.Bs Nguyễn Công H và đóng dấu tròn đỏ "BỆNH VIỆN E".

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92, số Imeil1: 862251056668656, số Imeil2: 86225106668649;

Ngày 29/12/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trương Thị T và Nguyễn Ngọc T ở số 36/165 GB, phường GB, quận H, thành phố H. Tại biên bản khám xét cùng ngày, thu giữ:

- 01 phong bì Vietelpost, mặt ngoài ghi “24 KĐ 0858857400 20k”, bên trong có: 12 tờ giấy chứng nhận sức khỏe khô A4, không số, không dán ảnh, dưới mục người kết luận có chữ ký Ts.Bs Nguyễn Công H và đóng dấu tròn đỏ "BỆNH VIỆN E".

Ngoài ra, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Vũ Thị H, SN: 1981, trú tại phường ĐN, quận B, thành phố H, khai là giấy tờ mua của Nguyễn Ngọc T và Trương Thị T:

- 03 tờ giấy khám sức khỏe của người lái xe khô A3, có số, có dán ảnh, dưới mục người kết luận có chữ ký Ts.Bs Nguyễn Công H và đóng dấu tròn đỏ "BỆNH VIỆN E".

Ngày 29/12/2021, 10/3/2022 Cơ quan điều tra đã quyết định trưng cầu giám định mẫu dấu, chữ viết, chữ ký trên các tài liệu vật chứng đã thu giữ nêu trên. Tại kết luận giám định số 986/KLGD-PC09-Đ3 ngày 28/01/2022, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H, kết luận:

- *Hình dấu tròn “BỆNH VIỆN E” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A42 với hình dấu tròn “BỆNH VIỆN E” trên mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra.*

Cơ quan điều tra đã quyết định trưng cầu giám định mẫu dấu, chữ viết, chữ ký trên các tài liệu vật chứng đã thu giữ nêu trên. Tại kết luận giám định số

2029/KLGD-PC09-Đ3 ngày 01/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H kết luận:

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Công H mục "Người kết luận" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A42) với chữ ký đứng tên Nguyễn Công H trên mẫu so sánh (Ký hiệu M1) có phải là chữ ký do cùng một người ký ra hay không.

- Chữ ký đứng tên Hữu Thị C, Nguyễn Duy B tại cột "Họ tên, chữ ký của Bác sỹ" trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A24) với chữ ký đứng tên Hữu Thị C, Nguyễn Duy B tương ứng trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) không phải chữ do cùng một người ký ra.

Tại kết luận giám định số 2321/KLGD-PC09-Đ3 ngày 12/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H, kết luận:

- Hình dấu tròn "BỆNH VIỆN E" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A12 với hình dấu tròn "BỆNH VIỆN E" trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Công H mục "Người kết luận" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A12) với chữ ký đứng tên Nguyễn Công H trên mẫu so sánh (Ký hiệu M2) có phải là chữ ký do cùng một người ký ra hay không.

- Không đủ cơ sở kết luận người có mẫu chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Ngọc T, Trương Thị T trên các tài liệu ký hiệu từ M3 đến M8 có ký ra chữ ký đứng tên Nguyễn Công H trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A12 hay không.

Tại cáo trạng số: 145/CT-VKS-HĐ ngày 31/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận H, truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T và Trương Thị T về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo Nguyễn Ngọc T và Trương Thị T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T và Trương Thị T đề nghị HĐXX: xem xét đến hoàn cảnh gia đình thực sự khó khăn của các bị cáo, xem xét đến việc nhận thức pháp luật còn hạn chế của các bị cáo, để giảm nhẹ nhất mức hình phạt cho cả 2 bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Trương Thị T, đều phạm tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 36 đến 39 tháng tù;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt: Bị cáo Trương Thị T từ 30 đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 54 đến 60 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện để thi hành án, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Cơ quan điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về nội dung*: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng, tang vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Do hám lợi, nên trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến ngày 28/12/2021, Nguyễn Ngọc T và Trương Thị T thông qua mạng internet đã đặt đối tượng có tài khoản zalo “CN” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) làm giả “giấy khám sức khỏe, giấy chứng nhận sức khỏe, giấy khám sức khỏe của người lái xe” của Bệnh viện E với giá: 15.000 đồng/tờ “giấy chứng nhận sức khỏe” khổ A4 không có ảnh giáp lai; 20.000 đồng/tờ “giấy khám sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe của người lái xe” khổ A3 không có ảnh giáp lai; 70.000 đồng/tờ “giấy khám sức khỏe” khổ A3 có ảnh đóng dấu giáp lai rồi bán lại với giá cao hơn để kiếm lời.

Ngày 28/12/2021, Nguyễn Ngọc T đi giao giấy khám sức khỏe giả cho Hoàng Thị T, SN: 1990, trú tại ngõ 12, thôn H, xã CK, huyện T, thành phố H và Nguyễn Bá B, SN: 1990, trú tại số 4, ngõ B4 KT, thị trấn TQ, huyện G, thành phố H. Đến

khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày, khi T dừng xe trước cửa số 144 TP, phường ML, quận H, thành phố H, chưa giao được cho T và B, thì bị tổ Công tác Công an phường ML, quận H kiểm tra hành chính thu giữ cùng tang vật.

Quá trình điều tra chứng minh được, Nguyễn Ngọc T và Trương Thị T thực hiện việc đặt làm giả tổng cộng 54 tờ mang danh Bệnh viện E, gồm: 30 tờ giấy khám sức khỏe khổ A3 (trong đó 02 tờ có dán ảnh), 12 tờ giấy chứng nhận sức khỏe khổ A4 và 12 tờ giấy khám sức khỏe của người lái xe khổ A3 (trong đó 03 tờ có dán ảnh).

Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Trương Thị T, đều phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, Viện kiểm sát nhân dân quận H, đã truy tố các bị cáo với tội danh trên theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước về con dấu, tài liệu, gây mất trật tự trị an trên địa bàn quận H. Bản thân các bị cáo có trình độ, có nhận thức, song không chịu lao động làm ăn chân chính, đi vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

Khi quyết định hình phạt, hội đồng xét xử xem xét vai trò của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, cụ thể như sau:

Vụ án có tính chất đồng phạm giảm đơn, các bị cáo cùng rủ nhau và đều là người thực hiện hành vi tích cực; cả hai bị cáo đều trực tiếp liên lạc và giao dịch với người đặt mua giấy tờ tài liệu; bị cáo T là người trực tiếp liên lạc với đối tượng làm giả giấy tờ, tài liệu và là người trực tiếp đi giao giấy tờ giả cho khách nên bị cáo T phải chịu hình phạt cao hơn.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân chưa tiền án, tiền sự; Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã đầu thú, 02 bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Ngoài ra Hội đồng xét xử còn xem xét hoàn cảnh gia đình của hai bị cáo: Bị cáo T và T là vợ chồng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị cáo T và bị cáo có xác nhận thuộc hộ cận nghèo tại địa phương; bị cáo T đã từng tham gia quân ngũ, bị cáo có bà nội là người có công với cách mạng; bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội khi có thai. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, bị cáo T áp dụng thêm điểm n khoản 1

Điều 51, và Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét bị cáo Trương Thị T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó chỉ cần áp dụng mức hình phạt tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập kinh tế không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[3]. *Về xử lý vật chứng*: Số tiền 8.000.000 đồng là tiền thu lời bất chính do các bị cáo tự nguyện giao nộp cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà Nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92, số Imei1: 86225105668656; Imei2: 862251056668649; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A6+ màu vàng, số IMei1: 356472094902351; IMei2: 356473094902359.

- Chiếc xe máy Honda Dream, màu nâu, BKS: 29D2-017.43-151.37 là xe Nguyễn Ngọc T sử dụng đem giấy tờ giả đi bán. Quá trình điều tra làm rõ chiếc xe là chủ sở hữu phợp pháp của Tư, xe không nằm trong cơ sở dữ liệu vật chứng. Do đó cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước đối với chiếc xe máy trên do liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Tang vật của vụ án gồm giấy tờ giả là chứng cứ thu giữ được đánh bút lục có trong hồ sơ vụ án, tiếp tục được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[4]. *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T và bị cáo Trương Thị T, đều phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

2. *Về điều khoản áp dụng và hình phạt*:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt:

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2021;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt:

Xử phạt: bị cáo Trương Thị T 30 (Ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi tháng), thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trương Thị T cho Ủy ban nhân dân xã NT, huyện N, tỉnh N, để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà Nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92, số Imei1: 86225105668656; Imei2: 862251056668649; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A6+ màu vàng, số IMei1: 356472094902351; IMei2: 356473094902359 và 01 chiếc xe máy Honda Dream, màu nâu, BKS: 29D2-017.43-151.37 (tình trạng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/6/2022, giữa Công an quận H và Chi cục Thi hành án dân sự quận H).

-Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 8.000.000 đồng của các bị cáo tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả (Theo ủy nhiệm chi ngày 09/6/2022 vào tài khoản số 394901052739 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T , Trương Thị T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND quận H;
- CA quận H;
- THA quận H;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Vương